

Số: 143 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2019

KẾ HOẠCH

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trạm Y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”;

Căn cứ Quyết định số 4543/QĐ-BYT ngày 19/7/2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh sách 26 xã, phường, thị trấn tham gia Mô hình Trạm Y tế điểm;

Căn cứ Hướng dẫn số 1383/HD-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai Mô hình điểm tại 26 Trạm Y tế xã giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1718/QĐ-BYT ngày 08/5/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án “Tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn y tế xã, phường giai đoạn 2019 - 2025”;

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 16/4/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy Hà Nội;

UBND Thành phố xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của Trạm Y tế theo nguyên lý Y học gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

I. Mục tiêu chung

Triển khai nâng cao chất lượng Trạm Y tế theo nguyên lý y học gia đình (Mô hình Trạm Y tế điểm) nhằm phát triển mạng lưới y tế cơ sở cả cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và tài chính nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, năng lực khám, chữa bệnh, phòng chống dịch và các Chương trình Y tế để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân ngay tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (Trạm Y tế xã). Tiêu chí Mô hình Trạm Y tế điểm theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Phụ lục 1 kèm theo).

II. Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm tại 04 Trạm Y tế Quyết định số 4543/QĐ-BYT ngày 19/7/2018 của Bộ Y tế.

- Phấn đấu đạt 100% số Trạm Y tế hoạt động theo mô hình Trạm Y tế điểm trên địa bàn Thành phố theo giai đoạn như sau:

+ Năm 2019: Đạt tối thiểu 45% Trạm Y tế theo Mô hình điểm của Bộ Y tế.

- + Năm 2020: Đạt 80% Trạm Y tế theo Mô hình điểm của Bộ Y tế.
- + Năm 2021: Đạt 100% Trạm Y tế theo Mô hình điểm của Bộ Y tế.

(Phụ lục 3: chỉ tiêu các xã thực hiện mô hình điểm bác sỹ gia đình kèm theo)

III. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Tăng cường công tác truyền thông

- Truyền thông, tư vấn, vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động để chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, các hoạt động về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;

- Truyền thông, tư vấn, phổ biến các kiến thức về bảo vệ sức khỏe, trú trọng rèn luyện thể lực, tăng cường các hoạt động thể dục thể thao, thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng, chống dịch bệnh tại cộng đồng... để nâng cao nhận thức của người dân về các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng chống đối với từng nguy cơ;

- Các kỹ năng, phương pháp để cán bộ y tế xã, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên y tế có khả năng thực hiện cung cấp các thông tin liên quan đến bệnh, dịch, tiêm chủng...

- Tăng cường tuyên truyền về việc thực hiện mở rộng Mô hình Trạm Y tế điểm của Bộ Y tế nhằm đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại tuyến cơ sở nhằm giảm tải cho tuyến trên. Truyền thông về các chương trình y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế nhằm thu hút người dân sử dụng các dịch vụ y tế ngay tại Trạm Y tế xã.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện BHYT, tiến tới BHYT toàn dân, đồng thời người dân được hưởng các dịch vụ của gói dịch vụ y tế cơ bản ngay tại Trạm Y tế xã.

2. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Rà soát và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các Trạm Y tế có đủ buồng phòng đảm bảo theo quy định để thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn. Tổ chức sắp xếp lại các buồng phòng của các Trạm Y tế xã theo hướng quan tâm đến công tác khám bệnh, chữa bệnh. Ưu tiên cho phòng khám bệnh, phòng cấp cứu, phòng tiêm chủng, phòng khám bệnh YHCT, phòng Truyền thông tư vấn (theo quy định tại Quyết định số 8070/QĐ-BYT ngày 08/10/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn bố trí không gian và các phòng chức năng cho Trạm Y tế điểm).

+ Đối với phòng khám bệnh phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp, kín đáo riêng biệt. Chỉ bố trí giường khám bệnh, bàn khám bệnh, máy siêu âm, tủ đựng hồ sơ, dụng cụ khám bệnh, máy tính (không bố trí thực hiện các hoạt động khác trong phòng khám bệnh).

+ Ưu tiên cho phòng khám YHCT khám bệnh, chữa bệnh bốc thuốc và bố trí các phòng châm cứu.



- Xây dựng Kế hoạch mua sắm, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc đảm bảo các trang thiết bị luôn đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của người dân. Bổ sung máy móc, trang thiết bị cho Trạm Y tế theo danh mục trang thiết bị cho Trạm Y tế thực hiện Mô hình Trạm Y tế điểm theo Quyết định số 4389/QĐ-BYT ngày 11/7/2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục trang thiết bị Trạm Y tế mô hình điểm.

- Chuẩn bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, hóa chất cho công tác Y tế dự phòng. Đảm bảo đủ cơ số thuốc cho điều trị dự phòng. Dụng cụ trang thiết bị, hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm mẫu bệnh phẩm.

3. Đảm bảo nguồn nhân lực và chất lượng nhân lực phục vụ khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế điểm

- Tuyển dụng và bố trí đủ số lượng và cơ cấu cán bộ cho Trạm Y tế theo quy định. Có chính sách thu hút bác sỹ về công tác tại tuyến Y tế cơ sở.

- Các Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, đăng ký tuyển dụng viên chức, bố trí sắp xếp nhân lực theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị; Chủ động rà soát nhân lực, điều động và ưu tiên bố trí nhân lực đảm bảo cơ cấu, số lượng cán bộ cho các Trạm Y tế điểm; Trong trường hợp chưa tuyển dụng đủ bác sỹ, đơn vị xem xét hợp đồng với bác sỹ nghỉ hưu để làm việc tại Trạm Y tế hoặc đề xuất cơ sở khám, chữa bệnh tuyến trên được phân công cử người hành nghề đi luân phiên có thời hạn hỗ trợ các Trạm Y tế.

- Tăng cường hỗ trợ các bác sỹ từ các bệnh viện tuyến trên, Trung tâm Y tế, Phòng khám đa khoa, hợp đồng với cán bộ y tế nghỉ hưu, kết hợp lương y tại địa phương làm việc tại Trạm Y tế.

+ Tiếp nhận sự hỗ trợ từ các bệnh viện Trung ương, Bộ ngành khi được Bộ Y tế phân công hỗ trợ.

+ Phân công các bệnh viện tuyến Thành phố, tuyến huyện về hỗ trợ cho các Trạm Y tế thực hiện điểm: Mỗi Trạm Y tế có bác sỹ bệnh viện tăng cường từ 1-2 buổi/tuần (*Danh sách các bệnh viện hỗ trợ tại Phụ lục 2 kèm theo*).

+ Các Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã rà soát đánh giá về mô hình bệnh tật tại xã, phường để có đề xuất cụ thể các bác sỹ chuyên khoa về hỗ trợ và thời gian về hỗ trợ tại Trạm Y tế.

- Tổ chức đào tạo tập huấn về chuyên môn cho 100% cán bộ y tế công tác tại Trạm Y tế về nguyên lý y học gia đình và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm Y tế; Cử cán bộ y tế của Trạm Y tế đi thực hành nâng cao chuyên môn tại các bệnh viện.

- Tập huấn nâng cao kỹ năng tư vấn, phát hiện sớm triệu chứng của bệnh cho cán bộ y tế công tác tại Trạm Y tế và cho nhân viên y tế thôn bản.

4. Tổ chức hoạt động chuyên môn theo nguyên lý y học gia đình

- Tăng cường công tác Phòng, chống dịch và thực hiện tốt các Chương trình Y tế.

- Nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh, sơ cấp cứu ban đầu tại tuyến y tế cơ sở đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân



trên địa bàn theo nguyên lý y học gia đình. Tổ chức quản lý sức khỏe cho người dân theo phần mềm quản lý sức khỏe đã được triển khai (theo quy định tại Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế ban hành kèm theo mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu).

- Đảm bảo 100% các Trạm Y tế điểm được phê duyệt danh mục kỹ thuật theo gói dịch vụ y tế cơ bản quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế.

- Bố trí bác sỹ đa khoa, bác sỹ có chứng chỉ y học gia đình để thực hiện công tác tư vấn, khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân ngay tại Trạm Y tế. Thực hiện luân phiên các bác sỹ chuyên khoa của Trung tâm Y tế hoặc phối hợp với các bệnh viện trên địa bàn xuống các Trạm Y tế làm việc theo lịch từ 1-2 buổi/tuần. (các Trạm Y tế điểm của Bộ Y tế phối hợp với bệnh viện Trung ương và bệnh viện Thành phố đã được phân công để triển khai thực hiện)

- Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh về Y học cổ truyền, kết hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh bằng các phương pháp dùng thuốc và các phương pháp không dùng thuốc, ứng dụng, thừa kế kinh nghiệm, bài thuốc, phương pháp điều trị hiệu quả. Khuyến khích các Trạm Y tế xã, phường ký hợp đồng với các lương y để triển khai các hoạt động về Y học cổ truyền.

- Xây dựng Kế hoạch mua sắm, đấu thầu thuốc, vật tư tiêu hao cho các Trạm Y tế đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời thuốc theo danh mục khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế, quan tâm đến các thuốc điều trị các bệnh mạn tính như Tiểu đường, Tăng huyết áp.

- Tổ chức quầy bán thuốc tại các Trạm Y tế điểm nhằm cung cấp đầy đủ thuốc.

- Tiếp tục thực hiện quản lý sức khỏe toàn dân cập nhật vào phần mềm quản lý sức khỏe; quan tâm đến các trường hợp mắc bệnh mạn tính để quản lý, tư vấn và khám bệnh, cấp thuốc tại Trạm Y tế.

+ Phân công cho mỗi cán bộ y tế, nhân viên y tế thôn bản quản lý sức khỏe cho người dân theo vùng và có địa chỉ, số điện thoại cụ thể, mỗi cán bộ y tế quản lý tối thiểu 1.000 - 2.000 dân (các Trạm Y tế trên cơ sở dân số địa phương và số lượng cán bộ y tế phân công đảm bảo mọi công dân đều có cán bộ y tế theo dõi quản lý sức khỏe). Hồ sơ sức khỏe của từng người dân được cán bộ y tế phụ trách quản lý lập và đảm bảo đầy đủ thông tin về hành chính, sức khỏe và được cập nhật thường xuyên khi đi khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế cũng như tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác. (theo quy định tại Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế)

5. Công tác Bảo hiểm Y tế và Tài chính cho Trạm Y tế

*** Công tác Bảo hiểm Y tế**

- Tuyên truyền cho người dân tham gia Bảo hiểm Y tế và hưởng dịch vụ khám, chữa bệnh Bảo hiểm Y tế ngay tại tuyến Y tế cơ sở. Tuyên truyền, hướng

dẫn cho người dân mắc bệnh mạn tính đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu Bảo hiểm Y tế tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

- Hướng dẫn cho người dân đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo mỗi Trạm Y tế thực hiện Mô hình điểm theo nguyên lý y học gia đình có từ 5.000 - 8.000 người dân có thẻ Bảo hiểm Y tế đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu.

- Tăng cường thu hút người bệnh khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu. Tiếp tục thực hiện khám, chữa bệnh ban đầu cho người có thẻ Bảo hiểm Y tế tại Trạm Y tế. Thực hiện quản lý sức khỏe, khám, điều trị các bệnh thường gặp cho người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh xã hội. Tổ chức theo dõi, quản lý và điều trị các bệnh mạn tính (Tiểu đường, Tăng huyết áp, chăm sóc giảm nhẹ...) tại Trạm Y tế.

- Cung ứng đủ thuốc khám, chữa bệnh Bảo hiểm Y tế tại Trạm Y tế xã đảm bảo đúng theo quy định.

*** Công tác tài chính cho Trạm Y tế**

- Bố trí đủ kinh phí theo quy định của Thành phố tại các Trạm Y tế đảm bảo thực hiện kinh phí chi thường xuyên cho các Trạm Y tế kịp thời, hiệu quả.

- Khuyến khích công tác xã hội hoá về y tế tại các Trạm Y tế nhằm thu hút nguồn lực phục vụ nhân dân ngay tại tuyến Y tế cơ sở

- Đảm bảo chi trả kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho Trạm Y tế kịp thời theo đúng quy định nhằm khuyến khích các Trạm Y tế tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân. Các Trung tâm Y tế xây dựng quy chế chi tiêu cụ thể cho các Trạm Y tế nhằm đảm bảo kinh phí cho cán bộ Trạm Y tế và các Bác sỹ tăng cường từ các bệnh viện tuyến trên.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Sử dụng phần mềm để quản lý sức khỏe 100% người dân và có cán bộ y tế được phân công quản lý. Người dân có số điện thoại của nhân viên y tế để được tư vấn khi cần.

- Tin học hoá các hoạt động của Trạm Y tế, thực hiện phần mềm quản lý Trạm Y tế và liên thông các phần mềm đã triển khai. Tổ chức thí điểm hoạt động quản lý Trạm Y tế bằng công nghệ thông tin và triển khai đầu thầu rộng rãi sau giai đoạn thí điểm.

- Tiếp tục thực hiện quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử theo các tiêu chí được Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 về hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân:

+ Tổ chức cấp mã cá nhân cho người dân có thể truy cập để lấy thông tin về sức khỏe của mình cung cấp cho nơi khám, chữa bệnh khi cần thiết.

+ Bảo mật thông tin sức khỏe của người dân và chỉ cán bộ y tế quản lý trực tiếp người dân mới có thể xem và chỉnh sửa thông tin tại hồ sơ quản lý sức khỏe (có lưu vết thông tin chỉnh sửa).



+ Các thông số sức khỏe có thể chiết xuất báo cáo để nhà quản lý có thể dựa vào đưa ra các chính sách về y tế kịp thời.

+ Cập nhật liên tục các lần khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân vào phần mềm quản lý sức khỏe.

- Tổ chức phần mềm quản lý sức khỏe liên thông với phần mềm bệnh án điện tử các bệnh viện, phòng khám trong và ngoài công lập và các phần mềm y tế khác để có dữ liệu liên tục được cập nhật khi người dân đi khám bệnh.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khám, chữa bệnh tại tuyến Y tế cơ sở.

7. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả

- Tăng cường giám sát và đôn đốc thực hiện triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổ chức hoạt động giám sát thành 3 cấp từ Thành phố đến các quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá quá trình tổ chức thực hiện và có rút kinh nghiệm thực hiện trong quá trình triển khai thực hiện triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND Thành phố và Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư cùng với các Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã rà soát và đề xuất bố trí nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện Mô hình điểm. Đối với các huyện không cân đối bố trí được nguồn ngân sách theo phân cấp, báo cáo UBND Thành phố xem xét bố trí từ nguồn ngân sách Thành phố.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các Kế hoạch hàng năm về triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm theo nguyên lý Y học gia đình.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trong ngành tăng cường công tác chỉ đạo tuyến, thực hiện công tác luân phiên cán bộ, tập huấn nâng cao kiến thức chuyên môn cho tuyến Y tế cơ sở.

- Chỉ đạo các Trung tâm Y tế xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại các Trạm Y tế.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính trong việc đề xuất các chính sách nhằm nâng cao hoạt động của Trạm Y tế trên địa bàn Thành phố.

- Tổng hợp những khó khăn vướng mắc báo cáo UBND Thành phố và Bộ Y tế để xem xét giải quyết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Y tế và các đơn vị liên quan lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm vào Kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của Thành phố và hướng dẫn các quận, huyện thực hiện.

- Tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo và hướng dẫn các quận, huyện xây dựng Kế hoạch đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đảm bảo yêu cầu chuyên môn của Trạm Y tế thực hiện Mô hình Trạm Y tế điểm. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế và các đơn vị liên quan đề xuất với UBND Thành phố xem xét bố trí từ nguồn ngân sách Thành phố để thực hiện sửa chữa cải tạo các Trạm Y tế.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế căn cứ khả năng ngân sách hàng năm, bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động của Trạm Y tế điểm theo Kế hoạch đề ra.

- Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị sử dụng ngân sách đúng các quy định hiện hành.

4. Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội

- Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nâng cao tỷ lệ tham gia Bảo hiểm Y tế, hướng tới Bảo hiểm Y tế toàn dân.

- Hướng dẫn, tuyên truyền cho người dân tham gia Bảo hiểm Y tế đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn. Phối hợp với Sở Y tế trong việc phân thẻ khám, chữa bệnh ban đầu bằng BHYT về các Trạm Y tế thực hiện Mô hình điểm đảm bảo mỗi Trạm Y tế có từ 5000 - 8.000 thẻ đăng ký khám chữa bệnh ban đầu.

- Tổ chức thực hiện thanh toán chi phí Bảo hiểm Y tế theo gói dịch vụ tại tuyến y tế cơ sở, thanh toán dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho Trạm Y tế thực hiện Mô hình Trạm Y tế điểm khi được hỗ trợ chuyên môn từ tuyến trên và thực hiện xã hội hóa công tác y tế tại Trạm Y tế.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì phối hợp với Sở Y tế tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở đến từng người dân nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu trên địa bàn và giảm quá tải cho bệnh viện tuyến trên.

- Phối hợp với Sở Y tế trong việc hoàn thiện phần mềm quản lý sức khỏe cá nhân và quản trị mạng đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và xây dựng phần mềm khám bệnh, chữa bệnh cho các Trạm Y tế kết nối với phần mềm quản lý sức khỏe và các phần mềm y tế khác.

6. Sở Nội vụ

- Phối hợp Sở Y tế bố trí đủ cán bộ hoạt động tại Trạm Y tế.



- Tham mưu đề xuất UBND Thành phố có chính sách thu hút cán bộ về công tác tại Trạm Y tế.

- Phối hợp với Sở Y tế trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho tuyến Y tế cơ sở.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm theo nguyên lý y học gia đình tại quận, huyện, thị xã phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo triển khai Mô hình Trạm Y tế điểm của quận, huyện, thị xã; chủ động huy động nguồn lực để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả mục tiêu của Kế hoạch này với các hoạt động khác có liên quan trên địa bàn.

- Bố trí nguồn kinh phí theo phân cấp để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trạm y tế và mua sắm trang thiết bị đảm bảo chức năng chuyên môn của Trạm Y tế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này tại địa phương và báo cáo UBND Thành phố (thông qua Sở Y tế) theo quy định.

8. Trong quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị định kỳ báo cáo kết quả 06 tháng (trước ngày 30/6), 01 năm (trước ngày 31/12), các khó khăn vướng mắc, đề xuất giải quyết và báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Thành phố chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các phòng: KGVX, KT, NC, TH, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX. (18)

(Để
báo
cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



Ngô Văn Quý

PHỤ LỤC 1 :

HƯỚNG DẪN

Triển khai mô hình Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình
(Kèm theo Kế hoạch số 143 /KH-UBND ngày 25/6 /2019 của UBND thành phố Hà Nội)

A. CÁC NỘI DUNG TẬP HUẤN

I. Về bố trí cán bộ, nhân lực

1. Hướng dẫn các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện rà soát nhân lực, đối chiếu với thực tế để đề xuất, báo cáo trung tâm y tế huyện. Giám đốc Trung tâm y tế huyện tự chủ, chủ động điều tiết nhân lực theo nhu cầu và thực tế: Nếu thiếu bác sỹ, trung tâm y tế tăng cường bác sỹ; nếu thiếu hoặc thừa nhân lực loại nào thì trung tâm y tế huyện tăng cường, điều chuyển giữa trung tâm với trạm hoặc với các trạm y tế xã khác;

2. Số lượng, cơ cấu nhân lực

a) Trạm y tế xã

| Số TT | Nhân lực | Trạm vùng 1 (DP, CSSK) | Trạm vùng 2 (DP, CSSK và có KCB) | Trạm vùng 3 (Có KCB, có đỡ đỡ thường) |
|-------|---|------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Bác sỹ (có thể từ TTYT huyện tăng cường) | X | X | X |
| 2 | Y sỹ trung học | X | X | X |
| 3 | Điều dưỡng | X | X | X |
| 4 | Nữ hộ sinh | | X | X |
| 5 | Dược sỹ trung học | X | X | X |
| 6 | Y học cổ truyền | X | X | X |
| 7 | Y tế công cộng (kiêm nhiệm tổng hợp, thống kê, báo cáo) | X | X | X |

b) Nhân viên y tế thôn, bản.

c) Cô đỡ thôn, bản ở những vùng khó khăn.

II. Các nội dung về chuyên môn

1. Về truyền thông giáo dục sức khỏe

a) Truyền thông, tư vấn, vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động để chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, các hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình;

b) Truyền thông, tư vấn, phổ biến các kiến thức về bảo vệ sức khỏe, chú trọng việc rèn luyện thể lực, tăng cường các hoạt động thể dục, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh; vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu; phòng, chống dịch bệnh tại cộng đồng... để nâng cao nhận thức của người dân về các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng, chống đối với từng nguy cơ;

c) Các phương pháp, kỹ năng để viên chức y tế xã, nhân viên y tế thôn bản có khả năng thực hiện cung cấp các thông tin liên quan đến bệnh, dịch, tiêm chủng;

d) Chuẩn bị các tài liệu truyền thông tại góc truyền thông (phòng truyền thông) của trạm y tế xã.

2. Về bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu

a) Các nội dung chuyên môn, kỹ thuật để trạm y tế triển khai thực hiện các hoạt động về vệ sinh môi trường, vận động nhân dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh, nhà tiêu hợp vệ

sinh, vệ sinh môi trường sống; dinh dưỡng cân đối, hợp lý; phòng chống các bệnh không lây nhiễm; về các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe tại cộng đồng (không sử dụng các chất cấm trong trồng trọt, chăn nuôi để bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng); về phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, xây dựng cộng đồng an toàn; về y tế học đường...;

b) Các nội dung, hoạt động để trạm y tế tham gia kiểm tra, giám sát và triển khai các hoạt động về an toàn thực phẩm trên địa bàn xã theo quy định.

3. Về nguyên lý y học gia đình, lập hồ sơ sức khỏe cá nhân

- Các nội dung, hoạt động cụ thể để trạm y tế xã triển khai hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

- Các nội dung để trạm y tế xã triển khai thực hiện việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân theo Quyết định số 831/BYT-QĐ ngày 11/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành kèm Mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

4. Về phòng, chống bệnh, dịch

a) Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; giám sát và báo cáo dịch; về tiêm chủng mở rộng; về triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, Lao,... tại trạm y tế xã.

b) Các hoạt động phòng, chống, quản lý các bệnh không lây nhiễm tại tuyến xã; sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm, hướng dẫn chuyên môn để trạm y tế xã quản lý, theo dõi, điều trị một số bệnh tại trạm y tế xã, phường không phải lên tuyến trên.

5. Về dân số và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

a) Các hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình: vận động, cung cấp thông tin, tư vấn về công tác dân số - KHHGD, cung cấp và hướng dẫn sử dụng bao cao su, viên thuốc uống tránh thai; tuyên truyền, vận động phụ nữ mang thai đến trạm y tế xã đăng ký quản lý thai, khám thai và đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để sinh đẻ...

b) Các hoạt động để chăm sóc sức khỏe, bà mẹ trẻ em

- Triển khai các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật để theo dõi, quản lý các bà mẹ mang thai, thực hiện khám thai định kỳ và vận động phụ nữ có thai đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để sinh đẻ, xử trí các trường hợp đẻ rơi cho phụ nữ có thai không kịp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để sinh đẻ; triển khai đỡ đẻ thường (áp dụng đối với trạm y tế xã vùng 2 trong trường hợp có nhu cầu và các trạm y tế xã vùng 3).

- Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em theo phân tuyến kỹ thuật và phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật; theo dõi chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà trong 06 tuần đầu sau khi sinh đẻ.

- Các nội dung về theo dõi, chăm sóc sức khỏe trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi; phòng, chống các bệnh về dinh dưỡng cho các nhóm tuổi, đặc biệt là các nhóm có nguy cơ cao.

6. Về khám, chữa bệnh

- Các hoạt động chuyên môn về khám, chữa bệnh tại trạm y tế xã như sơ cứu, cấp cứu ban đầu; tổ chức khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo phân tuyến kỹ thuật và phạm vi hoạt động chuyên môn tại tuyến xã theo quy định của pháp luật.

- Triển khai thực hiện các dịch vụ theo gói dịch vụ y tế cơ bản quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế quy định gói dịch vụ cho tuyến y tế cơ sở phù hợp với nhu cầu của người dân và điều kiện thực tế của từng trạm y tế xã.

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe, khám, điều trị các bệnh thường gặp cho người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh xã hội. Tổ chức ngay việc theo dõi, quản lý, điều trị người mắc bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, tim mạch, tiểu đường, chăm sóc giảm nhẹ...) tại trạm y tế xã, tại cộng đồng.

7. Về y, dược học cổ truyền

ck

Các hoạt động về y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh bằng các phương pháp dùng thuốc và các phương pháp không dùng thuốc; ứng dụng, kế thừa kinh nghiệm, bài thuốc, phương pháp điều trị hiệu quả. Khuyến khích các trạm y tế xã, phường ký hợp đồng với các lương y để triển khai các hoạt động về y học cổ truyền.

Vận động, hướng dẫn nhân dân nuôi trồng và sử dụng thuốc nam tại gia đình để phòng và chữa một số chứng, bệnh thông thường, bảo tồn cây thuốc quý tại địa phương trong chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển vườn thuốc nam mẫu phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

8. Về quản lý dược, vắc xin

Các nội dung về hoạt động của nhà thuốc và cung cấp thuốc BHYT, thuốc trong danh mục dùng cho tuyến xã, gồm:

- Quản lý các nguồn thuốc, vắc xin được giao theo quy định;
- Hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả;
- Hướng dẫn các trạm y tế xã mở nhà thuốc để bán thuốc theo quy định.

III. Về tài chính cho y tế xã

1. Về triển khai các dịch vụ thuộc “Gói dịch vụ y tế cơ bản” do quỹ BHYT thanh toán; “Gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe” quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế.

2. Về quản lý tài chính, thu, chi ngân sách nhà nước, giá dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế; cơ chế tài chính cho các nhóm trạm y tế xã.

IV. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo các quy định của Quyết định số 4667/QĐ-BYT

1. Mô hình các trạm y tế theo từng nhóm; hướng dẫn việc sửa chữa, nâng cấp, sơn, sửa để các trạm y tế xã khang trang, sạch sẽ; hướng dẫn bố trí các khu vực, các phòng cho hợp lý, bảo đảm thuận lợi về công năng sử dụng; thống nhất các biển tên phòng, các biển chỉ dẫn...

2. Hướng dẫn về danh mục vật tư, trang thiết bị của từng trạm phải được trang bị phù hợp để thực hiện các dịch vụ y tế theo từng nhóm trạm.

V. Về công nghệ thông tin và sổ sách báo cáo

Hướng dẫn sử dụng phần mềm để các trạm y tế xã có thể báo cáo trực tuyến về các hoạt động chuyên môn, các chỉ số mà trạm phải báo cáo hàng tháng, quý, năm.

Cục Công nghệ thông tin chủ trì xây dựng phần mềm quản lý trạm y tế để bảo đảm kết nối được với phần mềm quản lý Bảo hiểm y tế và phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân và hướng dẫn để các trạm y tế xã thực hiện.

VI. Tập huấn về quản lý trạm y tế xã

1. Các nội dung về quản lý trạm y tế xã để trạm trưởng và viên chức trạm y tế xã nắm được và triển khai thực hiện.

2. Các nội dung về mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, các quy định về luân chuyển, luân phiên cán bộ huyện xuống xã và ngược lại.

3. Các nội dung về nhân lực cho trạm y tế xã, chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí nhân lực để viên chức trạm y tế xã hiểu được và thực hiện. Hướng dẫn việc các trạm y tế xã có điều kiện có thể mời lương y, các bác sỹ đã về hưu làm việc tại trạm; trạm có số người đến KCB lớn, có nguồn thu lớn có thể hợp đồng thêm để bảo đảm nhân lực làm việc.

4. Các văn bản, quy định về y tế cơ sở, về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trạm y tế xã, y tế thôn bản đã được quy định tại:

- Nghị định 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ;

- Thông tư 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế về chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế xã;

- Thông tư 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ Y tế về chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn bản;

B. TRIỂN KHAI CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC TẬP HUẤN

I. Các trạm y tế xã xây dựng và triển khai ngay thực hiện ngay các nội dung sau

1. Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các trạm y tế xã

1.1. Bảo đảm được cung cấp điện và chiếu sáng (nên được trang bị nguồn điện dự phòng sự cố - máy phát điện nhỏ), có nước sạch theo tiêu chuẩn; được xử lý nước thải, chất thải rắn; bảo đảm các quy định về phòng cháy, chữa cháy (nên có bể trữ nước để cứu hỏa, nếu có điều kiện, nên có hố cát dự trữ để cứu hỏa gần công trình).

1.2. Bảo đảm vệ sinh các phòng thủ thuật, phòng thực hiện các dịch vụ KHHGD, phòng đẻ (nếu có):

- Cải tạo, nâng cấp cả nội thất, ngoại thất và sân vườn, bố trí lại các phòng làm việc cho phù hợp, có biển gắn trước cửa phòng, góc truyền thông, công trình phụ (vệ sinh, khu bếp, giếng nước, khu xử lý chất thải...), chỉ dẫn vườn thuốc nam... theo tiêu chuẩn: Kích thước: 30cm x 60 cm; màu xanh, chữ in trắng. Bố trí khu vực sảnh đón tiếp, các phòng như sau:

| TT | Khu vực/phòng | Vùng 1 | Vùng 2 | Vùng 3 |
|----|---|---------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Sảnh đón tiếp: ngay lối cửa chính, có hành lang liên hệ trực tiếp với các phòng, khu vực chức năng. Phải có ghế ngồi đợi khám bệnh và bàn làm thủ tục tiếp đón | 8-12m ² | 8-12m ² | 8-12m ² |
| 2 | Quầy thuốc | 4-6m ² | 4-6m ² | 4-6m ² |
| 3 | Phòng tuyên truyền, tư vấn, truyền thông: có băng, ghế ngồi để nghe tuyên truyền, tư vấn, hội họp... | 14-16m ² | 14-16m ² | 14-16m ² |
| 4 | Phòng khám, chữa bệnh, kết hợp chức năng thủ thuật, tiêm tại chỗ (tùy theo nhu cầu mà có thể bố trí 2 - 3 phòng). | 12-14m ² | 12-14m ² | 12-14m ² |
| 5 | Phòng khám, chữa bệnh theo phương pháp Y học cổ truyền: có giường xoa bóp, bấm huyệt và châm cứu; nơi có lương y kê đơn, bốc thuốc phải có tủ thuốc và bàn bốc thuốc, bắt mạch. | 12-14m ² | 12-14m ² | 12-14m ² |
| 6 | Phòng đẻ/KHHGD: có bàn đẻ, bàn thủ thuật KHHGD, bàn đón trẻ sơ sinh, chậu rửa (vùng 1 làm dịch vụ KHHGD). | 13-15m ² | 13-15m ² | 13-15m ² |
| 7 | Phòng chờ đẻ, lưu sau đẻ (nên có vệ sinh riêng). | | 12-14m ² | 12-14m ² |
| 8 | Phòng lưu bệnh nhân (12-14m ² đối với phòng 2 giường; 18-20m ² đối với phòng 3 giường). | | x | x |
| 9 | Phòng vệ sinh chung. | x | x | x |
| 10 | Kho chứa dụng cụ, thiết bị. | x | x | x |
| 11 | Phòng bếp nấu (đối với khu vực nông thôn, miền núi). | | | x |

2. Triển khai công tác giáo dục, truyền thông, nâng cao sức khỏe; các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu; 2. Triển khai công tác giáo dục, truyền thông, nâng cao sức khỏe; các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu; 2. Triển khai công tác giáo dục, truyền thông, nâng cao sức

ck

- khỏe; các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu; 2. Triển khai công tác giáo dục, truyền thông, nâng cao sức khỏe; các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu; 2. Triển khai công tác giáo dục, truyền thông, nâng cao sức khỏe; các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu;
3. Triển khai thực hiện các hoạt động y tế dự phòng, y tế công cộng, các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số tại trạm y tế xã, tại thôn, bản;...
4. Triển khai công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, đỡ đẻ thường.
5. Triển khai quản lý, theo dõi các bệnh không lây nhiễm;
6. Triển khai khám, chữa bệnh cho cả người có thẻ BHYT, người không có thẻ BHYT theo 2 gói dịch vụ cơ bản quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế; các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, học sinh, sinh viên, người khuyết tật trên địa bàn; các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; dân số - kế hoạch gia đình;
7. Triển khai khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền; triển khai nhà thuốc trạm y tế xã (trung tâm y tế huyện, sở y tế chỉ đạo cung cấp đầy đủ thuốc trong danh mục của trạm, các thuốc được bán tại trạm, chỉ đạo việc bán thuốc theo đơn...);
8. Triển khai phần mềm và lập hồ sơ sức khỏe, từng bước cập nhật các thông số sức khỏe vào sổ theo dõi sức khỏe điện tử theo hướng sau:
 - 8.1. Đối với người đã đi khám bệnh, chữa bệnh trong năm tại trạm y tế xã: trạm y tế xã thực hiện ngay việc cập nhật thông tin vào sổ.
 - 8.2. Đối với người đi khám, chữa bệnh tại cơ sở tuyến trên: trạm y tế xã cập nhật các chỉ số sức khỏe của người dân vào hệ thống sổ sức khỏe điện tử.
 - 8.3. Đối mới công tác y tế học đường gắn với trạm y tế xã để trạm y tế thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, cập nhật các thông số sức khỏe vào sổ sức khỏe điện tử của từng học sinh.
 - 8.4. Thực hiện khám sức khỏe cho các đối tượng được chăm sóc sức khỏe theo luật định, gồm người cao tuổi, trẻ em, người lao động có hợp đồng, công chức, viên chức và cập nhật các thông số sức khỏe vào sổ sức khỏe điện tử của từng cá nhân.
9. Thiết kế chuẩn bảng hiệu tên các khoa phòng, các biển chỉ dẫn; tủ thuốc, tủ hồ sơ, bàn khám bệnh, dụng cụ, tủ bảo quản, vận chuyển mẫu (phục vụ xét nghiệm), máy tính, ghế ngồi chờ, vật tư, trang thiết bị truyền thông, cân, thước đo, máy đo huyết áp... để cấp cho các trạm y tế xã.

II. Sở Y tế thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và chỉ đạo trung tâm y tế huyện

1. Rà soát, bổ sung điều chuyển các trang thiết bị thiết yếu phù hợp với nhu cầu, năng lực của từng trạm y tế xã theo vùng (nơi nào thừa thì trung tâm y tế điều chuyển cho trạm hoặc trung tâm khác, nơi nào thiếu sẽ bổ sung).
2. Đáp ứng đầy đủ danh mục, số lượng thuốc theo quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế để cung cấp cho các trạm y tế xã theo khả năng, nhu cầu và đề xuất của trạm y tế xã, nhất là các thuốc phòng, chống các bệnh lây nhiễm.
3. Bố trí nhân lực theo nhu cầu thực tế.
4. Hướng dẫn các trạm y tế xã thành lập nhà thuốc để bán thuốc cho nhân dân theo quy định.
5. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng thuốc của trạm y tế xã.
6. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Thành phố để bảo đảm thuốc cho người có thẻ BHYT và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT cho trạm y tế xã theo quy định.

CK

PHỤ LỤC 2 :**DANH SÁCH****Các Bệnh viện hỗ trợ các Trạm Y tế triển khai Mô hình điểm.***(Kèm theo Kế hoạch số 143 /KH-UBND ngày 25/6/2019 của UBND thành phố Hà Nội)*

| STT | Tên quận/huyện | Bệnh viện hỗ trợ chính | Bệnh viện Thành phố Hỗ trợ | Mời các bệnh viện TW hỗ trợ |
|-----|-------------------|---|---|--------------------------------------|
| 1 | Huyện Sóc Sơn | Bệnh viện ĐK Sóc Sơn | Bệnh viện Xanh Pôn, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 2 | Quận Hà Đông | Bệnh viện ĐK Hà Đông | Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 3 | Huyện Đông Anh | Bệnh viện Đông Anh | Bệnh viện Xanh Pôn, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 4 | Huyện Chương Mỹ | Bệnh viện ĐK huyện Chương Mỹ | Bệnh viện Xanh Pôn, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 5 | Quận Hai Bà Trưng | Bệnh viện Thanh Nhân | Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 6 | Quận Long Biên | Bệnh viện Đức Giang | Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 7 | Huyện Thanh Oai | Bệnh viện ĐK huyện Thanh Oai | Bệnh viện Xanh Pôn, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 8 | Huyện Ứng Hoà | Bệnh viện Văn Đình | Bệnh viện Xanh Pôn, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 9 | Quận Ba Đình | Bệnh viện Xanh pôn | Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 10 | Huyện Mỹ Đức | Bệnh viện ĐK huyện Mỹ Đức, Mắt Hà Đông, YHCT HĐ | Bệnh viện Thanh Nhân, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 11 | Huyện Phú Xuyên | Bệnh viện ĐK huyện Phú Xuyên, Mắt Hà Đông | Bệnh viện Thanh Nhân, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 12 | Huyện Thường Tín | Bệnh viện ĐK huyện Thường Tín | Bệnh viện Thanh Nhân, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 13 | Huyện Thanh Trì | Bệnh viện ĐK Thanh Trì | Bệnh viện Thanh Nhân, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 14 | Huyện Thạch Thất | Bệnh viện ĐK huyện Thạch Thất | Bệnh viện Thanh Nhân, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 15 | Huyện Phúc Thọ | Bệnh viện ĐK huyện Phúc Thọ | Bệnh viện Thanh Nhân, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |

cb

| | | | | |
|----|------------------|---|---|--------------------------------------|
| 16 | Huyện Quốc Oai | Bệnh viện ĐK huyện Quốc Oai | Bệnh viện Thanh Nhân, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 17 | Huyện Ba Vì | Bệnh viện Ba Vì | Bệnh viện Đức Giang, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 18 | Quận Bắc Từ Liêm | Bệnh viện thận HN, Bệnh viện Bắc Thăng Long | Bệnh viện Đức Giang, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 19 | Quận Nam Từ Liêm | Bệnh viện Hòe Nhai | Bệnh viện Đức Giang, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 20 | Quận Hoàng Mai | Bệnh viện Thanh Nhân | Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 21 | Thị xã Sơn Tây | Bệnh viện Sơn Tây | Bệnh viện Đức Giang, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 22 | Huyện Đan Phượng | Bệnh viện ĐK huyện Đan Phượng | Bệnh viện Đức Giang, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 23 | Huyện Hoài Đức | Bệnh viện ĐK huyện Hoài Đức | Bệnh viện Đức Giang, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 24 | Quận Đống Đa | Bệnh viện Đống Đa | Bệnh viện Đức Giang, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 25 | Quận Cầu Giấy | Bệnh viện ĐK YHCT Hà Nội | Bệnh viện Hà Đông, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 26 | Huyện Mê Linh | Bệnh viện ĐK huyện Mê Linh | Bệnh viện Hà Đông, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 27 | Quận Tây Hồ | Bệnh viện Tim HN | Bệnh viện Hà Đông, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 28 | Quận Hoàn Kiếm | Bệnh viện VN-CB | Bệnh viện Hà Đông, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 29 | Huyện Gia Lâm | Bệnh viện ĐK huyện Gia Lâm | Bệnh viện Hà Đông, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |
| 30 | Quận Thanh Xuân | Bệnh viện PHCN, Mắt HN | Bệnh viện Hà Đông, Tim HN, Ung Bướu, Phụ sản | Thực hiện theo phân công của Bộ Y tế |

CS

PHỤ LỤC 3 :

DANH SÁCH

ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRẠM Y TẾ ĐIỂM THEO NGUYÊN LÝ Y HỌC GIA ĐÌNH
(Kèm theo Kế hoạch số 143 /KH-UBND ngày 25/6/2019 của UBND thành phố Hà Nội)

| STT | QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ | TRẠM Y TẾ ĐIỂM | | | | | |
|-----|---------------------------|----------------|------------------|----------|-----------------------|----------|-------------------|
| | | NĂM 2019 | | NĂM 2020 | | NĂM 2021 | |
| 1 | Đông Anh | 1 | TYT Bắc Hồng | 1 | TYT Nguyễn Khê | 1 | TYT Vân Hà |
| | | 2 | TYT Đại Mạch | 2 | TYT Hải Bối | 2 | TYT Cổ Loa |
| | | 3 | TYT Dục Tú | 3 | TYT Võng La | 3 | TYT Liên Hà |
| | | 4 | TYT Đông Hội | 4 | TYT Kim Nỗ | 4 | TYT Thụy Lâm |
| | | 5 | TYT Kim Chung | 5 | TYT Nam Hồng | 5 | TYT Tiên Dương |
| | | 6 | TYT Mai Lâm | 6 | TYT Tàm xá | 6 | TYT Vân Nội |
| | | 7 | TYT Xuân Nộn | 7 | TYT Vĩnh Ngọc | 7 | TYT Việt Hùng |
| | | 8 | TYT Xuân Canh | | | | |
| | | 9 | TYT Uy Nỗ | | | | |
| | | 10 | TYT Thị Trấn | | | | |
| | | Tổng | 10 | | 7 | | 7 |
| 2 | Đông Đa | 1 | TYT Phương Liên | 1 | TYT Trung Liệt | 1 | TYT Khâm Thiên |
| | | 2 | TYT Quốc Tử Giám | 2 | TYT Trung Tự | 2 | TYT Khương Thượng |
| | | 3 | TYT Hàng Bột | 3 | TYT Ngã Tư Sở | | |
| | | 4 | TYT Thổ Quan | 4 | TYT Văn Miếu | | |
| | | 5 | TYT Láng Thượng | 5 | TYT Cát Linh | | |
| | | 6 | TYT Phương Mai | 6 | TYT Văn Chương | | |
| | | 7 | TYT Kim Liên | 7 | TYT Nam Đồng | | |
| | | 8 | TYT Láng Hạ | 8 | TYT Quang Trung | | |
| | | 9 | TYT Ô Chợ Dừa | 9 | TYT Trung Phụng | | |
| | | 10 | TYT Thịnh Quang | | | | |
| | | Tổng | 10 | | 9 | | 2 |
| 3 | Gia Lâm | 1 | TYT Cổ Bi | 1 | TYT Ninh Hiệp | 1 | TYT Đình Xuyên |
| | | 2 | TYT Phú Thị | 2 | TYT Đặng Xá | 2 | TYT Yên Viên |
| | | 3 | TYT Dương Xá | 3 | TYT Trung Mậu | | |
| | | 4 | TYT Dương Quang | 4 | TYT Phù Đổng | | |
| | | 5 | TYT Kim Sơn | 5 | TYT Thị trấn Trâu Quỳ | | |

| | | | | | | | |
|---|-------------|-----------|-----------------------|-----------|---------------------|----------|-------------------|
| | | 6 | TYT Lê Chi | 6 | TYT Đa Tôn | | |
| | | 7 | TYT Yên Thường | 7 | TYT Đông Dư | | |
| | | 8 | TYT Kim Lan | 8 | TYT Bát Tràng | | |
| | | 9 | TYT Văn Đức | 9 | TYT Kiều Ky | | |
| | | 10 | TYT Thị trấn Yên Viên | 10 | TYT Dương Hà | | |
| | Tổng | 10 | | 10 | | 2 | |
| 4 | Đan Phượng | 1 | TYT Song Phượng | 1 | TYT Thọ An | 1 | TYT Thị Trấn |
| | | 2 | TYT Đan Phượng | 2 | TYT Thọ Xuân | 2 | TYT Liên Hà |
| | | 3 | TYT Đồng Tháp | 3 | TYT Hồng Hà | 3 | TYT Hạ Mỗ |
| | | 4 | TYT Phương Đình | 4 | TYT Thượng Mỗ | | |
| | | 5 | TYT Trung Châu | 5 | TYT Liên Hồng | | |
| | | 6 | TYT Liên Trung | | | | |
| | | 7 | TYT Tân Lập | | | | |
| | Tổng | 7 | | 5 | | 3 | |
| 5 | Chương Mỹ | 1 | TYT Hoà Chính | 1 | TYT Lam Điền | 1 | TYT Chúc Sơn |
| | | 2 | TYT Hồng Phong | 2 | TYT Hoàng Diệu | 2 | TYT Tốt Động |
| | | 3 | TYT Đồng Lạc | 3 | TYT Tiên Phương | 3 | TYT Thanh Bình |
| | | 4 | TYT Quảng Bị | 4 | TYT Trung Hoà | 4 | TYT Hoàng Văn Thụ |
| | | 5 | TYT Thụy Hương | 5 | TYT Đông Sơn | 5 | TYT Hợp Đồng |
| | | 6 | TYT Phụng Châu | 6 | TYT Thủy Xuân Tiên | 6 | TYT Đại Yên |
| | | 7 | TYT Hữu Văn | 7 | TYT Nam Phương Tiến | 7 | TYT TT Xuân Mai |
| | | 8 | TYT Ngọc Hoà | 8 | TYT Tân Tiến | 8 | TYT Thượng Vực |
| | | | | 9 | TYT Mỹ Lương | 9 | TYT Văn Võ |
| | | | | 10 | TYT Đồng Phú | | |
| | | | | 11 | TYT Đông Phương Yên | | |
| | | | | 12 | TYT Phú Nam An | | |
| | | | | 13 | TYT Trần Phú | | |
| | | | | 14 | TYT Trường Yên | | |
| | Tổng | 8 | | 14 | | 9 | |
| 6 | Hoàn Kiếm | 1 | TYT Hàng Bồ | 1 | TYT Hàng Gai | 1 | TYT Hàng Bông |
| | | 2 | TYT Hàng Bạc | 2 | TYT Lý Thái Tổ | 2 | TYT Đồng Xuân |
| | | 3 | TYT Hàng Mã | 3 | TYT Trần Hưng Đạo | 3 | TYT Hàng Đào |
| | | 4 | TYT Hàng Trống | 4 | TYT Hàng Bài | 4 | TYT Tràng Tiền |

| | | | | | | | |
|---|-------------|-----------|--------------------|----------|------------------|----------|---------------|
| | | 5 | TYT Hàng Buồm | 5 | TYT Chương Dương | | |
| | | 6 | TYT Phan Chu Trinh | 6 | TYT Cửa Nam | | |
| | | 7 | TYT Cửa Đông | | | | |
| | | 8 | TYT Phúc Tân | | | | |
| | Tổng | 8 | | 6 | | 4 | |
| 7 | Long Biên | 1 | TYT Bồ Đề | 1 | TYT Việt Hưng | 1 | TYT Ngọc Thụy |
| | | 2 | TYT Thạch Bàn | 2 | TYT Đức Giang | | |
| | | 3 | TYT Phúc Đồng | | | | |
| | | 4 | TYT Phúc Lợi | | | | |
| | | 5 | TYT Gia Thụy | | | | |
| | | 6 | TYT Giang Biên | | | | |
| | | 7 | TYT Ngọc Lâm | | | | |
| | | 8 | TYT Sài Đồng | | | | |
| | | 9 | TYT Thượng Thanh | | | | |
| | | 10 | TYT Long Biên | | | | |
| | | 11 | TYT Cự Khối | | | | |
| | Tổng | 11 | | 2 | | 1 | |
| 8 | Phú Xuyên | 1 | TYT Hoàng Long | 1 | TYT Tri Trung | 1 | TYT Sơn Hà |
| | | 2 | TYT Hồng Minh | 2 | TYT Bạch Hạ | 2 | TYT Vân Từ |
| | | 3 | TYT Phương Dục | 3 | TYT Phúc Tiến | 3 | TYT Phú Yên |
| | | 4 | TYT Tân Dân | 4 | TYT Phú Túc | 4 | TYT Châu Can |
| | | 5 | TYT Chuyên Mỹ | 5 | TYT Đại Thắng | 5 | TYT Minh Tân |
| | | 6 | TYT Văn Hoàng | | | 6 | TYT Tri Thủy |
| | | 7 | TYT Quang Trung | | | | |
| | | 8 | TYT TT Phú Xuyên | | | | |
| | | 9 | TYT Đại Xuyên | | | | |
| | | 10 | TYT Quang Lãng | | | | |
| | | 11 | TYT Khai Thái | | | | |
| | | 12 | TYT Hồng Thái | | | | |
| | | 13 | TYT TT Phú Minh | | | | |
| | | 14 | TYT Nam Phong | | | | |
| | | 15 | TYT Nam Triều | | | | |
| | | 16 | TYT Văn Nhân | | | | |

| | | | | | | | |
|----|-------------|-----------|------------------|----------|-----------------|----------|--------------------|
| | | 17 | TYT Thụy Phú | | | | |
| | Tổng | 17 | | 5 | | 6 | |
| 9 | Phúc Thọ | 1 | TYT Thị Trấn | 1 | TYT Tích Giang | 1 | TYT Vân Hà |
| | | 2 | TYT Liên Hiệp | 2 | TYT Thanh Đa | 2 | TYT Phương Độ |
| | | 3 | TYT Long Xuyên | 3 | TYT Tam Thuấn | 3 | TYT Cẩm Đình |
| | | 4 | TYT Vân Nam | 4 | TYT Xuân Phú | 4 | TYT Ngọc Tảo |
| | | 5 | TYT Sen Chiêu | 5 | TYT Tam Hiệp | 5 | TYT Phụng Thượng |
| | | 6 | TYT Thọ Lộc | 6 | TYT Vân Phúc | | |
| | | 7 | TYT Hiệp Thuận | 7 | TYT Võng Xuyên | | |
| | | 8 | TYT Phúc Hòa | 8 | TYT Hát Môn | | |
| | | 9 | TYT Thượng Cốc | | | | |
| | | 10 | TYT Trạch Mỹ Lộc | | | | |
| | Tổng | 10 | | 8 | | 5 | |
| 10 | Quốc Oai | 1 | TYT Cán Hữu | 1 | TYT Yên Sơn | 1 | TYT Ngọc Mỹ |
| | | 2 | TYT Nghĩa Hương | 2 | TYT Thạch Thán | 2 | TYT Đông Yên |
| | | 3 | TYT xã Đại Thành | 3 | TYT Hòa Thạch | 3 | TYT Ngọc Liệp |
| | | 4 | TYT Đồng Quang | 4 | TYT Phú Mãn | 4 | TYT Liệp Tuyết |
| | | 5 | TYT Phương Cách | 5 | TYT Đông Xuân | | |
| | | 6 | TYT Sài Sơn | 6 | TYT Phú Cát | | |
| | | 7 | TYT TT Quốc Oai | | | | |
| | | 8 | TYT Tân Hòa | | | | |
| | | 9 | TYT Tân Phú | | | | |
| | | 10 | TYT Cộng Hòa | | | | |
| | | 11 | TYT Tuyết Nghĩa | | | | |
| | | 12 | | | | | |
| | Tổng | 11 | | 6 | | 4 | |
| 11 | Sơn Tây | 1 | TYT Viên Sơn | 1 | TYT Sơn Lộc | | TYT Xuân Khanh |
| | | 2 | TYT Đường Lâm | 2 | TYT Phú Thịnh | | TYT Trung Sơn Trầm |
| | | 3 | TYT Trung Hưng | 3 | TYT Ngô Quyền | | TYT Xuân Sơn |
| | | 4 | TYT Thanh Mỹ | 4 | TYT Lê Lợi | | |
| | | 5 | TYT Sơn Đông | 5 | TYT Quang Trung | | |
| | | 6 | TYT Cổ Đông | | | | |
| | | 7 | TYT Kim Sơn | | | | |
| | Tổng | 7 | | 5 | | 3 | |

| | | | | | | | |
|----|-------------|-----------|--------------------|-----------|----------------------|----------|------------------|
| 12 | Tây Hồ | 1 | TYT Xuân La | 1 | TYT Nhật Tân | | TYT Yên Phụ |
| | | 2 | TYT Bưởi | 2 | TYT Phú Thượng | | |
| | | 3 | TYT Quảng An | 3 | TYT Thụy Khuê | | |
| | | 4 | TYT Tứ Liên | | | | |
| | Tổng | 4 | | 3 | | 1 | |
| 13 | Thanh Oai | 1 | TYT Xã Cao Viên | 1 | TYT Xã Cự Khê | 1 | TYT Xã Đỗ Động |
| | | 2 | TYT Xã Hồng Dương | 2 | TYT Xã Thanh Mai | 2 | TYT Xã Kim An |
| | | 3 | TYT Xã Thanh Cao | 3 | TYT Xã Tân Ước | 3 | TYT Xã Mỹ Hưng |
| | | 4 | TYT Xã Tam Hưng | 4 | TYT Xã Phương Trung | 4 | TYT Xã Thanh Văn |
| | | 5 | | 5 | TYT Xã Xuân Dương | | |
| | | 6 | TYT Xã Cao Dương | 6 | TYT Thị trấn Kim Bài | | |
| | | 7 | TYT Xã Liên Châu | 7 | TYT Xã Kim Thư | | |
| | | 8 | TYT Xã Bích Hòa | 8 | TYT Xã Dân Hòa | | |
| | | 9 | TYT Xã Bình Minh | | | | |
| | | 10 | TYT Xã Thanh Thùy | | | | |
| | Tổng | 10 | | 11 | | | |
| | Thanh Xuân | 1 | TYT Thượng Đình | 1 | TYT Thanh Xuân Bắc | | |
| | | 2 | TYT Phương Liệt | 2 | TYT Thanh Xuân Trung | | |
| | | 3 | TYT Khương Trung | 3 | TYT Nhân Chính | | |
| | | 4 | TYT Thanh Xuân Nam | 4 | TYT Kim Giang | | |
| | | 5 | TYT Hạ Đình | 5 | TYT Khương Mai | | |
| | | | | 6 | TYT Khương Đình | | |
| | Tổng | 5 | | 6 | | | |
| 15 | Thường Tín | 1 | TYT Quất Động | 1 | TYT Khánh Hà | 1 | TYT Lê Lợi |
| | | 2 | TYT Tự Nhiên | 2 | TYT Hòa Bình | 2 | TYT Dũng Tiến |
| | | 3 | TYT Văn Bình | 3 | TYT Nghiêm Xuyên | 3 | TYT Liên Phương |
| | | 4 | TYT Thư Phú | 4 | TYT Ninh Sở | 4 | TYT Tân Minh |
| | | 5 | TYT Chương Dương | 5 | TYT Thăng Lợi | 5 | TYT Thị Trấn |
| | | 6 | TYT Nguyễn Trãi | 6 | TYT Văn Tự | 6 | TYT Tiên Phong |

Ch

| | | | | | | | |
|----|---------------|-----------|-------------------|-----------|-----------------------|----------|-------------------|
| | | 7 | TYT Hồng Vân | 7 | TYT Văn Phú | | |
| | | 8 | TYT Hà Hồi | 8 | TYT Duyên Thái | | |
| | | 9 | TYT Hiền Giang | 9 | TYT Nhị Khê | | |
| | | 10 | TYT Minh Cường | 10 | TYT Tô Hiệu | | |
| | | 11 | TYT Vân Tảo | | | | |
| | | 12 | TYT Thống Nhất | | | | |
| | | 13 | TYT Vạn Điểm | | | | |
| | Tổng | 13 | | 10 | | 6 | |
| 16 | Ứng Hòa | 1 | TYT Đồng Tiến | 1 | TYT Viên Nội | 1 | TYT Viên An |
| | | 2 | TYT Hòa Lâm | 2 | TYT Hoa Sơn | 2 | TYT Sơn Công |
| | | 3 | TYT Q.P.Cầu | 3 | TYT Trường Thịnh | 3 | TYT Minh Đức |
| | | 4 | TYT Hoà Nam | 4 | TYT Liên Bạt | 4 | TYT Đại Cường |
| | | 5 | TYT Hoà Phú | 5 | TYT Thị trấn Vân Đình | | |
| | | 6 | TYT Phù Lưu | 6 | TYT Vạn Thái | | |
| | | 7 | TYT Đại Hùng | 7 | TYT Hòa Xá | | |
| | | 8 | TYT Kim Đường | 8 | TYT Lưu Hoàng | | |
| | | 9 | TYT Đông Lỗ | 9 | TYT Đội Bình | | |
| | | 10 | TYT Trung Tú | | | | |
| | | 11 | TYT Phương Tú | | | | |
| | | 12 | TYT Trầm Lộng | | | | |
| | | 13 | TYT Tảo Dương Văn | | | | |
| | | 14 | TYT Hồng Quang | | | | |
| | | 15 | TYT Cao Thành | | | | |
| | | 16 | TYT Đồng Tân | | | | |
| | Tổng | 16 | | 9 | | 4 | |
| 17 | Quận Cầu Giấy | 1 | TYT Nghĩa Tân | 1 | TYT Quan Hoa | 1 | TYT Dịch Vọng Hậu |
| | | 2 | TYT Dịch Vọng | 2 | TYT Yên Hòa | | |
| | | 3 | TYT Trung Hòa | 3 | TYT Mai Dịch | | |
| | | 4 | TYT Nghĩa Đô | 4 | | | |
| | Tổng | 4 | | 3 | | 1 | |
| 18 | Thạch Thất | 1 | TYT Cẩm Yên | 1 | TYT Phú Kim | 1 | TYT Bình Yên |
| | | 2 | TYT Đại Đồng | 2 | TYT Kim Quan | 2 | TYT Chàng Sơn |
| | | 3 | TYT Lại Thượng | 3 | TYT Tân Xã | 3 | TYT Yên Bình |
| | | 4 | TYT Hương Ngải | 4 | TYT Hạ Bằng | 4 | TYT Liên Quan |

| | | | | | | | |
|----|-------------|-----------|-------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|
| | | 5 | TYT Canh Nậu | 5 | TYT Hữu Bằng | | |
| | | 6 | TYT Dị Nậu | 6 | TYT Phùng Xá | | |
| | | 7 | TYT Thạch Xá | 7 | TYT Thạch Hòa | | |
| | | 8 | TYT Bình Phú | 8 | TYT Tiến Xuân | | |
| | | 9 | TYT Cần Kiệm | 9 | TYT Yên Trung | | |
| | | 10 | TYT Đồng Trúc | | | | |
| | Tổng | 10 | | 9 | | 4 | |
| 19 | Ba Đình | 1 | TYT Thành Công | 1 | TYT Ngọc Khánh | | TYT Điện Biên |
| | | 2 | TYT Phúc Xá | 2 | TYT Ngọc Hà | | TYT Đội Cấn |
| | | 3 | TYT Công Vị | 3 | TYT Trung Trục | | TYT Trúc Bạch |
| | | 4 | TYT Quán Thánh | 4 | TYT Giảng Võ | | |
| | | 5 | TYT Vĩnh Phúc | 5 | TYT Kim Mã | | |
| | | 6 | TYT Liễu Giai | | | | |
| | Tổng | 6 | | 5 | | 4 | |
| 20 | Bắc Từ Liêm | 1 | TYT Minh Khai | 1 | TYT Phú Diễn | 1 | TYT Thụy Phương |
| | | 2 | TYT Xuân Đình | 2 | TYT Đức Thắng | 2 | TYT Tây Tựu |
| | | 3 | TYT Phúc Diễn | 3 | TYT Xuân Tảo | | |
| | | 4 | TYT Đông Ngạc | 4 | TYT Liên Mạc | | |
| | | 5 | TYT Cổ Nhuế 1 | | | | |
| | | 6 | TYT Thượng Cát | | | | |
| | | 7 | TYT Cổ Nhuế 2 | | | | |
| | Tổng | 7 | | 4 | | 2 | |
| 21 | Hà Đông | 1 | TYT Biên Giang | 1 | TYT La Khê | 1 | TYT Văn Quán |
| | | 2 | TYT Đồng Mai | 2 | TYT Nguyễn Trãi | 2 | TYT Hà Cầu |
| | | 3 | TYT Dương Nội | 3 | TYT Phú La | | |
| | | 4 | TYT Kiến Hưng | 4 | TYT Phúc La | | |
| | | 5 | TYT Mộ Lao | 5 | TYT Quang Trung | | |
| | | 6 | TYT Phú Lương | 6 | TYT Vạn Phúc | | |
| | | 7 | TYT Phú Lãm | 7 | TYT Yết Kiêu | | |
| | Tổng | 7 | | 7 | | 2 | |
| 22 | Hoài Đức | 1 | TYT Sơn Đồng | 1 | TYT Đức Giang | | |
| | | 2 | TYT Cát Quế | 2 | TYT Song Phương | | |
| | | 3 | TYT Minh Khai | 3 | TYT An Thượng | | |
| | | 4 | TYT thị trấn Trôi | 4 | TYT Kim Chung | | |
| | | 5 | TYT An Khánh | 5 | TYT Văn Canh | | |

| | | | | | | | |
|----|-------------|-----------|---------------------|-----------|-----------------------|----------|------------------|
| | | 6 | TYT Tiền Yên | 6 | TYT Đức Thượng | | |
| | | 7 | TYT Di Trạch | 7 | TYT Đắc Sở | | |
| | | 8 | TYT Dương Liễu | | | | |
| | | 9 | TYT Vân Côn | | | | |
| | | 10 | TYT Đông La | | | | |
| | | 11 | TYT La Phù | | | | |
| | | 12 | TYT Yên Sở | | | | |
| | | 13 | TYT Lại Yên | | | | |
| | Tổng | 13 | | 7 | | 0 | |
| 23 | Mỹ Đức | 1 | TYT Lê Thanh | 1 | TYT Thượng Lâm | 1 | TYT Xuy Xá |
| | | 2 | TYT Phùng Xá | 2 | TYT Đồng Tâm | 2 | TYT Phúc Lâm |
| | | 3 | TYT Đại Nghĩa | 3 | TYT Mỹ Thành | 3 | TYT Phù Lưu Tế |
| | | 4 | TYT Đốc Tín | 4 | TYT Bột Xuyên | 4 | TYT Hợp Tiến |
| | | 5 | TYT An Phú | 5 | TYT An Mỹ | 5 | TYT Tuy Lai |
| | | | | 6 | TYT An Tiến | 6 | TYT Hợp Thanh |
| | | | | 7 | TYT Vạn Kim | 7 | TYT Đại Hưng |
| | | | | 8 | TYT Hương Sơn | | |
| | | | | 9 | TYT Hùng Tiến | | |
| | | | | 10 | TYT Hồng Sơn | | |
| | Tổng | 5 | | 10 | | 7 | |
| 24 | Nam Từ Liêm | 1 | TYT Đại Mỗ | 1 | TYT Cầu Diễn | | |
| | | 2 | TYT Mỹ Đình 1 | 2 | TYT Mễ Trì | | |
| | | 3 | TYT Mỹ Đình 2 | 3 | TYT Trung Văn | | |
| | | 4 | TYT Xuân Phương | 4 | TYT Phương Canh | | |
| | | 5 | TYT Phú Đô | | | | |
| | Tổng | 5 | | 4 | | | |
| 25 | Ba Vi | 1 | TYT xã Khánh Thượng | 1 | TYT xã Ba Vi | 1 | TYT xã Vân Hòa |
| | | 2 | TYT xã Minh Quang | 2 | TYT xã Tân Lĩnh | 2 | TYT xã Yên Bài |
| | | 3 | TYT xã Ba Trại | 3 | TYT xã Phong Vân | 3 | TYT xã Cẩm Lĩnh |
| | | 4 | TYT xã Tòng Bạt | 4 | TYT thị trấn Tây Đằng | 4 | TYT xã Phú Đông |
| | | 5 | TYT xã Phú Sơn | 5 | TYT xã Thuần Mỹ | 5 | TYT xã Phú Cường |
| | | 6 | TYT xã Thái Hòa | 6 | TYT xã Sơn Đà | 6 | TYT xã Vật Lại |
| | | 7 | TYT xã Chu Minh | 7 | TYT xã Châu Sơn | | |

| | | | | | | | |
|----|-------------|-----------|-------------------|-----------|----------------------|----------|-------------------|
| | | 8 | TYT xã Cổ Đô | 8 | TYT xã Thụy An | | |
| | | 9 | TYT xã Tân Hồng | 9 | TYT xã Phú Phương | | |
| | | 10 | TYT xã Đông Quang | 10 | TYT xã Đồng Thái | | |
| | | 11 | TYT xã Cam Thượng | | | | |
| | | 12 | TYT xã Tiên Phong | | | | |
| | | 13 | TYT xã Phú Châu | | | | |
| | | 14 | TYT xã Vạn Thắng | | | | |
| | Tổng | 14 | | 10 | | 6 | |
| 26 | Sóc Sơn | 1 | TYT xã Mai Đình | 1 | TYT xã Bắc Phú | 1 | TYT xã Xuân Giang |
| | | 2 | TYT xã Phù Linh | 2 | TYT xã Hồng Kỳ | 2 | TYT xã Minh Trí |
| | | 3 | TYT xã Thanh Xuân | 3 | TYT xã Trung Giã | 3 | TYT xã Hiền Ninh |
| | | 4 | TYT xã Phù Lỗ | 4 | TYT xã Việt Long | 4 | TYT xã Tiên Dược |
| | | 5 | TYT xã Đức Hòa | 5 | TYT xã Xuân Thu | | |
| | | 6 | TYT xã Đông Xuân | 6 | TYT xã Kim Lũ | | |
| | | 7 | TYT xã Tân Hưng | 7 | TYT xã Phú Minh | | |
| | | 8 | TYT xã Bắc Sơn | 8 | TYT xã Nam Sơn | | |
| | | 9 | TYT xã Phú Cường | 9 | TYT xã Quang Tiến | | |
| | | 10 | TYT xã Tân Minh | 10 | TYT Thị trấn Sóc Sơn | | |
| | | 11 | TYT xã Minh Phú | 11 | | | |
| | | 12 | TYT xã Tân Dân | 12 | | | |
| | Tổng | 12 | | 10 | | 4 | |
| 27 | Mê Linh | 1 | TYT Tiên Phong | 1 | TYT Vạn Yên | 1 | TYT Tự Lập |
| | | 2 | TYT Văn Khê | 2 | TYT Liên Mạc | 2 | TYT Mê Linh |
| | | 3 | TYT Tráng Việt | 3 | TYT Thạch Đà | | |
| | | 4 | TYT Chi Đông | 4 | TYT Tiên Thắng | | |
| | | 5 | TYT Hoàng Kim | 5 | TYT Thanh Lâm | | |
| | | 6 | TYT Kim Hoa | 6 | TYT Đại Thịnh | | |
| | | 7 | TYT Quang Minh | 7 | TYT Tiên Thịnh | | |
| | | 8 | TYT Chu Phan | 8 | TYT Tam Đồng | | |
| | Tổng | 8 | | 8 | | 2 | |
| 28 | Thanh Trì | 1 | TYT Đại Áng | 1 | TYT Liên Ninh | | TYT Hữu Hòa |

| | | | | | | | |
|-------------|--------------|------------|------------------|------------|-------------------|-----------|-----------------|
| | | 2 | TYT Ngọc Hồi | 2 | TYT Duyên Hà | | TYT Văn Điền |
| | | 3 | TYT Yên Mỹ | 3 | TYT Vạn Phúc | | TYT Thanh Liệt |
| | | 4 | TYT Đông Mỹ | 4 | TYT Tứ Hiệp | | |
| | | 5 | TYT Tả Thanh Oai | 5 | TYT Vĩnh Quỳnh | | |
| | | 6 | TYT Tân Triều | 6 | TYT Ngũ Hiệp | | |
| | | 7 | TYT Tam Hiệp | 7 | | | |
| | Tổng | 7 | | 9 | | | |
| 29 | Hai Bà Trưng | 1 | TYT Thanh Nhân | 1 | TYT Bùi Thị Xuân | 1 | TYT Lê Đại Hành |
| | | 2 | TYT Đồng Tâm | 2 | TYT Phạm Đình Hồ | 2 | TYT Minh Khai |
| | | 3 | TYT Phố Huế | 3 | TYT Ngô Thị Nhậm | 3 | TYT Bách Khoa |
| | | 4 | TYT Đồng Nhân | 4 | TYT Bạch Đằng | 4 | TYT Thanh Lương |
| | | 5 | TYT Đống Mác | 5 | TYT Quỳnh Lôi | | |
| | | 6 | TYT Trương Định | 6 | TYT Cầu Dền | | |
| | | 7 | TYT Vĩnh Tuy | 7 | TYT Nguyễn Du | | |
| | | 8 | TYT Bạch Mai | 8 | | | |
| | | 9 | TYT Quỳnh Mai | 9 | | | |
| | Tổng | 9 | | 7 | | 4 | |
| 30 | Hoàng Mai | 1 | TYT Trần Phú | 1 | TYT Thịnh Liệt | 1 | TYT Giáp Bát |
| | | 2 | TYT Định Công | 2 | TYT Mai Động | 2 | TYT Lĩnh Nam |
| | | 3 | TYT Yên Sở | 3 | TYT Hoàng Văn Thụ | 3 | TYT Tương Mai |
| | | 4 | TYT Thanh Trì | 4 | TYT Đại Kim | | |
| | | 5 | TYT Vĩnh Hưng | 5 | TYT Hoàng Liệt | | |
| | | 6 | TYT Tân Mai | | | | |
| | Tổng | 6 | | 5 | | 3 | |
| TỔNG | | 270 | | 214 | | 96 | |

OK